|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÀO CAI**  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi**

**trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ……./2016/QĐ-UBND ngày …… tháng …… năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai phân công quản lý vận tải hành khách bằng xe taxi.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (sau đây gọi tắt là đơn vị taxi) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Chương II**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE TAXI**

**Điều 3. Đăng ký hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi**

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi nộp hồ sơ đăng ký về Sở Giao thông vận tải để được kiểm tra các điều kiện kinh doanh vận tải theo quy định của Chính phủ và được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

2. Ưu tiên việc cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe taxi và việc bổ sung tăng số lượng xe taxi (cấp phù hiệu) đối với đơn vị taxi thực hiện được tối thiểu một trong các nội dung theo thứ tự ưu tiên sau:

a. Doanh nghiệp được xếp hạng về chất lượng dịch vụ cao hơn;

b. Xe đăng ký sở hữu của doanh nghiệp;

c. Các xe được đầu tư mới 100%, đăng ký biển số tại tỉnh Lào Cai (biển 24).

3. Việc phát triển đơn vị taxi được thực hiện theo Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Năm 2017, trong khi hoàn chỉnh Quy hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt, giữ nguyên số lượng xe taxi hiện có tại thành phố Lào Cai là 550 xe, huyện Sa Pa 150 xe và huyện Bảo Thắng là 30 xe; điều tiết số lượng xe taxi tại các địa phương trong tỉnh trong năm 2017 như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương** | **Năm 2016** | | **Năm 2017** | |
| Số DN | Số xe | Số DN | Số xe |
| 1 | TP. Lào Cai | 11 | 550 | - | 550 |
| 2 | H. Sa Pa | 03 | 150 | - | 150 |
| 3 | H. Bảo Thắng | 01 | 30 | - | 40 |
| 4 | H. Bắc Hà | 0 | 0 | - | 10 |
| 5 | H. Bảo Yên | 0 | 0 | - | 10 |
| 6 | H. Văn Bàn | 0 | 0 | - | 10 |
| 7 | H. Mường Khương | 0 | 0 | - | 10 |
| 8 | H. Si Ma Cai | 0 | 0 | - | 0 |
| 9 | H. Bát Xát | 0 | 0 | - | 10 |
|  | **Tổng số:** | **15** | **730** | **-** | **790** |

*Ghi chú: Số lượng năm 2016 dựa trên số lượng hiện trạng; Số lượng xe điều tiết, phân bổ tại các địa phương năm 2017 là số lượng xe tối đa (không được vượt quá số lượng phân bổ).*

**Điều 4. Quy định đối với xe taxi**

Xe taxi phải được niêm yết và trang bị theo quy định tại Điều 6, Điều 17 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP; Điều 37 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT; Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT; và đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Có Chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lào Cai cấp (biển số xe 24). Đối với các xe taxi được điều chuyển xe từ các địa phương khác đến phục vụ các ngày lễ, sự kiện lớn của tỉnh thì đơn vị vận tải taxi phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải Lào Cai, Công an tỉnh về danh sách xe, thời hạn hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Có máy bộ đàm liên lạc được với Trung tâm điều hành của đơn vị theo đúng tần số liên lạc được cấp phép nhằm phục vụ hoạt động vận tải taxi của đơn vị.

3. Thực hiện niêm yết số thứ tự xe taxi (hoặc mã số đàm quản lý) của đơn vị taxi.

4. Không gắn hộp đèn của xe taxi (đèn mào) bằng các miếng nam châm, không dán số điện thoại và logo của đơn vị taxi lên xe bằng vật liệu từ tính in sẵn.

5. Hóa đơn được in ra từ máy in hóa đơn được lắp đặt trên xe taxi phải có đầy đủ các thông tin: tên, địa chỉ đơn vị taxi (hoặc hãng taxi); biển số xe taxi; giá cước hành khách phải thanh toán.

**Điều 5. Tiêu chuẩn đối với lái xe taxi**

Người lái xe taxi là công dân Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 58, 59 và Điều 60 Luật Giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 11 và điểm a, b khoản 3, Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

**Điều 6. Quy định đối với đơn vị taxi**

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT phải chấp hành các quy định sau:

1. Tuân thủ sự điều tiết về số lượng xe của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi (Sở Giao thông vận tải).

2. Đăng ký màu sơn thống nhất (xe taxi của mỗi đơn vị có cùng một màu sơn), biểu trưng (logo), số điện thoại giao dịch, mẫu đồng phục, mẫu thẻ tên lái xe với Sở Giao thông vận tải Lào Cai trước ngày 01/11/2016; thực hiện quy định về màu sơn đã đăng ký theo lộ trình (hoàn thành trước ngày 31/12/2017).

3. Thực hiện lắp đặt, chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu công tác lắp đặt và quản lý việc sử dụng các thiết bị: đồng hồ tính cước, thiết bị giám sát hành trình, bộ đàm liên lạc, máy in hóa đơn (hoặc phiếu thu) cho xe taxi của đơn vị.

4. Chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng phù hiệu “XE TAXI” do Sở Giao thông vận tải cấp cho xe taxi thuộc quản lý của đơn vị mình. Thu hồi phù hiệu “XE TAXI” nộp trả về Sở Giao thông vận tải khi xe dừng hoạt động hoặc không còn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của đơn vị (trừ khi phù hiệu đã hết hạn).

5. Chi nhánh doanh nghiệp không được đưa xe ở địa phương khác về hoạt động lâu dài tại tỉnh Lào Cai khi chưa có quyết định điều động của cơ quan quản lý chi nhánh và phù hiệu không phải do Sở Giao thông Vận tải Lào Cai cấp; không được điều xe mà phù hiệu do Sở Giao thông Vận tải Lào Cai cấp để hoạt động quá 30 (ba mươi) ngày ở địa phương khác.

6. Từ ngày 01/01/2017, các đơn vị taxi phải lắp đặt thiết bị và sử dụng phần mềm hỗ trợ điều xe, quản lý giá cước thông qua đồng hồ tính tiền. Ứng dụng phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các tính năng quản lý, hỗ trợ sử dụng dịch vụ cho hành khách, cho lái xe taxi, cho tổng đài điều hành của doanh nghiệp và cơ quan quản lý chức năng.

7. Bố trí địa điểm giao ca bảo đảm các yêu cầu về trật tự, an toàn và không gây ùn tắc giao thông. Chấp hành quy định tại các điểm đỗ xe taxi công cộng.

8. Có tinh thần hợp tác giữa các đơn vị taxi trong quá trình phục vụ hành khách đi lại bằng taxi trên địa bàn.

9. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

10. Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe taxi thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải và nội dung trong quy định này.

11. Được kiến nghị, đề nghị các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc, tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động.

12. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

13. Thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định và theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

**Điều 7. Quyền lợi, quyền hạn và trách nhiệm của lái xe taxi**

Ngoài quyền lợi, quyền hạn, trách nhiệm của lái xe taxi được quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP; Điều 42 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, lái xe taxi còn có quyền lợi, trách nhiệm sau:

1. Phải được khám sức khỏe định kỳ và có sổ theo dõi sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

2. Phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3. Phải được ký kết hợp đồng lao động với đơn vị kinh doanh vận tải và được hưởng các chế độ theo quy định của đơn vị và pháp luật.

4. Khi nhận xe để vận chuyển người lái xe phải thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật an toàn của xe, nhiên liệu, dầu nhờn, nước làm mát, dụng cụ, đồ nghề, bình cứu hỏa, đồng hồ tính tiền, máy in hóa đơn, bộ đàm, trạng thái thiết bị giám sát hành trình, đèn báo hiệu và các trang thiết bị khác theo xe.

5. Phục vụ hành khách với lộ trình ngắn nhất, trừ trường hợp hành khách có yêu cầu khác. Khi kết thúc hành trình, lái xe phải in hóa đơn tính tiền và trả hóa đơn cho hành khách khi hành khách đã thanh toán đủ tiền.

6. Nhắc nhở hành khách kiểm tra lại hành lý, đồ dùng cá nhân trước khi rời xe, kể cả trong trường hợp lái xe không thấy hành khách mang theo hành lý khi lên xe.

7. Có thái độ ứng xử hòa nhã, lịch sự đối với hành khách đi xe; trợ giúp đối với hành khách là người khuyết tật, người già, trẻ em và phụ nữ có thai, có con nhỏ.

8. Không được lựa chọn khách hàng; không được từ chối hành khách đi gần; không tranh giành, chèo kéo hành khách; không uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích khác trước và trong khi lái xe.

9. Không điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định; không phóng nhanh, vượt ẩu; không quay đầu gấp; không sử dụng điện thoại di động khi điều khiển phương tiện.

10. Không được vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống. Có quyền từ chối vận chuyển các loại hàng hóa, động vật sống nêu trên.

11. Cảnh giác đối với những hành khách có biểu hiện nghi vấn cướp của, giết người, sử dụng hung khí hoặc có dấu hiệu phạm tội khác và khi phát hiện phải báo ngay với đơn vị mình và cơ quan công an gần nhất.

12. Nghiêm chỉnh chấp hành hiệu lệnh hoặc yêu cầu kiểm tra của lực lượng chức năng đang thi hành công vụ; xuất trình các giấy tờ cần thiết khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

13. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về an toàn giao thông và thực hiện các quy định có liên quan trong quy định này.

**Điều 8. Quyền lợi, quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe taxi**

Ngoài quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe taxi được quy định tại Điều 43, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, hành khách đi xe taxi còn có quyền lợi, trách nhiệm sau:

1. Được hưởng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi theo đăng ký chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Thực hiện đúng các quy định về an toàn giao thông và hướng dẫn của lái xe taxi khi đi xe.

3. Không mang theo những háng hóa bị cấm vận chuyển, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống, thực phẩm hôi tanh, lây nhiễm.

4. Kiểm tra hành lý, đồ dùng cá nhân trước khi rời xe.

**Điều 9. Quy định điểm đón, trả khách, điểm đỗ xe taxi**

1. Xe taxi được đón, trả khách tại các vị trí không cấm dừng, đỗ.

2. Điểm đỗ xe taxi gồm 02 loại:

a) Điểm đỗ xe taxi do doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng và tổ chức quản lý theo quy định pháp luật; Đơn vị taxi phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Điểm đỗ xe taxi công cộng do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức và quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và đặc thù của địa phương.

3. Yêu cầu chung đối với điểm đỗ xe taxi: Phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ (không gây ùn tắc giao thông cục bộ); đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

4. Tại thành phố Lào Cai và các trung tâm huyện, thị tứ cho phép Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố làm điểm đỗ xe taxi công cộng, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Vị trí làm điểm đỗ xe không thuộc tuyến quốc lộ đi qua đô thị.

b) Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 (hai) làn xe cơ giới và 01 làn xe thô sơ; phần hè phố còn lại dành cho người đi bộ có bề rộng tối thiểu đạt 1,5 mét; lòng đường, hè phố có kết cấu chịu lực phù hợp để đỗ xe taxi.

c) Điểm đỗ xe taxi phải được lắp đặt biển báo, kẻ vạch sơn theo quy định.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước**

**1. Sở Giao thông vận tải**

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh và công bố quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi; tham gia tổ chức điểm đỗ xe taxi công cộng phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và đặc thù từng địa phương trong tỉnh.

b) Quản lý đơn vị, điều tiết số lượng phương tiện tham gia hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

c) Quản lý và cấp phù hiệu cho xe taxi. Kiểm tra điều kiện đối với xe kinh doanh vận tải taxi trước khi cấp phù hiệu.

d) Theo dõi, tổng hợp sản lượng và nhu cầu đi lại của hành khách bằng xe taxi; tình hình hoạt động của các đơn vị taxi trên địa bàn thành phố.

đ) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô nói chung và bằng xe taxi nói riêng.

e) Phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

f) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy định của pháp luật và quy định này.

**2. Sở Kế hoạch và đầu tư**

a) Cấp đăng ký kinh doanh, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp theo quy định.

b) Định hướng cho các doanh nghiệp khi đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phù hợp với quy hoạch vận tải taxi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**3. Sở Xây dựng**

Trong thời gian từ nay đến khi quy hoạch được duyệt, Sở Xây dựng phối hợp với UBND các huyện, thành phố và cơ quan liên quan nghiên cứu các vị trí để xây dựng các điểm đỗ xe, bến bãi, hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi tại những nơi tập trung nhiều xe taxi đón khách (Khu thương mại, Cửa khẩu quốc tế, khu du lịch, công viên, đền, chùa, bệnh viện…) đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

**4. Sở Tài chính**

a) Hướng dẫn các đơn vị taxi kê khai giá cước theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan kiểm tra tình hình thực hiện việc kê khai giá cước, niêm yết giá cước theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

**5. Cục Thuế tỉnh**

a) Hướng dẫn các đơn vị taxi thực hiện nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện nghĩa vụ thuế, tài chính tại các đơn vị taxi.

**6. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra chất lượng thiết bị giám sát hành trình.

b) Tổ chức kiểm tra công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận taximet cho các đơn vị tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

**7. Công an tỉnh**

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan trong công tác giữ gìn trật tự an toàn giao thông tại các điểm đỗ xe taxi trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp lái xe taxi vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, trọng điểm tại khu vực thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa và thị trấn Phố Lu.

**8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả Quy định này.

b) Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp vận tải taxi trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải và các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với nhà nước theo quy định; theo thẩm quyền xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng bố trí điểm dừng, đỗ xe taxi công cộng trên các tuyến đường tại khu vực trung tâm các huyện, thành phố và khu kinh tế, công nghiệp, du lịch... có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, quản lý đô thị để kẻ vạch, cắm biển dừng đỗ cho xe taxi thuận lợi trong việc đón, trả khách.

**9. Hiệp hội vận tải ô tô Lào Cai và Hiệp hội Taxi thành phố Lào Cai**

a) Tích cực phối hợp với Sở GTVT Lào Cai triển khai, phổ biến các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi tới các doanh nghiệp.

b) Tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ lái xe theo quy định. Tăng cường phổ biến quy định liên quan về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành cho các doanh nghiệp vận tải khách bằng xe taxi.

c) Đồng hành cùng các doanh nghiệp taxi xây dựng được những hình ảnh đặc trưng cho taxi Lào Cai, đặc biệt trong việc triển khai quy định về màu sơn thống nhất của từng đơn vị taxi.

**Điều 11. Triển khai thực hiện**

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương; các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

2. Giao Sở Giao thông vận tải triển khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan biết. Yêu cầu từng đơn vị taxi có văn bản cam kết thực hiện đúng quy định này.

3. Giám đốc các đơn vị taxi trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm triển khai quy định này đến cán bộ, nhân viên của đơn vị được biết và thực hiện. Căn cứ quy định này, đơn vị taxi xây dựng hoặc rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế, nội quy hoạt động trong đơn vị để thực hiện. Giám đốc các đơn vị vận tải taxi chịu trách nhiệm về thực hiện quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan có thay đổi thị thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

**Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Giao Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo về tình hình thực hiện quy định này, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc (nếu có).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ảnh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |